

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG BEACH LMC



MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-28

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Long Beach LMC.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Long Beach LMC (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105897161 ngày 22 tháng 5 năm 2012 và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 13 ngày 16 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp về thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom với mã cổ phiếu là LMC theo Quyết định số 775/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tên tiếng anh: Long Beach LMC Joint Stock Company.

Tên viết tắt: LB-LMC.

Mã chứng khoán: LMC (Đăng ký giao dịch tại sàn chứng khoán Upcom).

Trụ sở chính: Căn B1.1C, tầng B1, T3 Brilliant, tòa Nhà Đào Kim Cương, số 1 Đường 104-btt, khu phố 3, phường Bình Trưng Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM, Việt Nam.

Địa điểm kinh doanh: Số 01, đường 3/2, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà	Phan Thị Tố Duyên	Chủ tịch HĐQT
Bà	Bùi Thị Hương Lan	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Bình Phương	Thành viên
Ông	Nguyễn Bình Phương	Thành viên
Ông	Lâm Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17/7/2024)

Ban Kiểm soát

Bà	Huỳnh Minh Tân	Trưởng ban (bỏ nhiệm ngày 19/6/2024)
Bà	Nguyễn Thị Phương Thanh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 19/6/2024)
Ông	Phạm Tuấn Minh	Thành viên
Bà	Phạm Thị Thanh Hồng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06/12/2024)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Lê Quang Hiệu	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/6/2024)
Ông	Đỗ Quốc Anh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19/6/2024)
Bà	Nguyễn Thị Kim Thanh	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 11/3/2025)
Bà	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Kế toán trưởng (từ ngày 02/01/2025 đến ngày 11/3/2025)
Bà	Đoàn Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 02/01/2025)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông	Lê Quang Hiệu	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/7/2024 đến nay)
Ông	Đỗ Quốc Anh	Tổng Giám đốc (đến ngày 16/7/2024)

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được bổ nhiệm là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

5. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Công bố danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Tổng Giám đốc trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được trình bày ở Thuyết minh của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến Công ty và liên quan đến: Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty; những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

6. Phê duyệt báo cáo tài chính

Tôi phê duyệt báo cáo tài chính (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, tuân thủ với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty



Lê Quang Hiệu

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Số: B0325089-R/ MOORE AISC – DN5

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LONG BEACH LMC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Long Beach LMC (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được Công ty bổ nhiệm công việc kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 nên chúng tôi đã không thể thực hiện tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng không thể cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của tiền mặt tại thời điểm đó với giá trị ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.626.317.281 VND.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Long Beach LMC tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Lê Hùng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174-2025-005-1

Hà Thị Thư

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5952-2023-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.665.058.898	29.801.085.610
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.183.801.602	1.901.387.396
1. Tiền	111		15.183.801.602	1.901.387.396
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.742.898.919	26.584.058.246
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	863.879.099	1.523.130.490
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.472.444.380	1.131.722.022
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	18.300.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.406.575.440	5.629.205.734
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	2.513.053.791	1.234.182.502
1. Hàng tồn kho	141		2.687.235.975	1.234.182.502
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(174.182.184)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		225.304.586	81.457.466
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	17.112.395	5.021.715
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		208.192.191	76.435.751
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.408.899	35.470.867
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.408.899	35.470.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.408.899	35.470.867
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.667.467.797	29.836.556.477

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.631.340.127	5.576.168.945
I. Nợ ngắn hạn	310		1.631.340.127	5.576.168.945
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.8	318.587.725	3.398.408.410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	-	401.949.992
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.009.420.521	1.092.364.681
4. Phải trả người lao động	314		151.270.438	436.649.204
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	-	50.489.115
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	-	44.246.100
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		152.061.443	152.061.443
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.036.127.670	24.260.387.532
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	27.036.127.670	24.260.387.532
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		304.122.886	304.122.886
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.732.004.784	8.956.264.646
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.956.264.646	7.348.207.325
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.775.740.138	1.608.057.321
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		28.667.467.797	29.836.556.477

Nguyễn Thị Kim Thanh

Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Lê Quang Hiệu

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.805.471.979	12.220.037.796
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	13.805.471.979	12.220.037.796
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8.704.571.136	9.895.759.745
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.100.900.843	2.324.278.051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	560.364.185	2.056.733.074
7. Chi phí tài chính	22		9.213.222	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4a	-	70.267.170
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4b	1.875.208.881	2.141.213.701
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		3.776.842.925	2.169.530.254
11. Thu nhập khác	31		30.303	-
12. Chi phí khác	32	VI.5	31.943.687	43.554.463
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(31.913.384)	(43.554.463)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.744.929.541	2.125.975.791
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	969.189.403	517.918.470
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.775.740.138	1.608.057.321
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.850	1.072
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.850	1.072

Nguyễn Thị Kim Thanh

Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Quang Hiệu

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.744.929.541	2.125.975.791
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03	VI.2	174.182.184	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(559.528.766)	(2.056.466.370)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.359.582.959	69.509.421
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		3.782.882.338	4.666.437.758
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(1.453.053.473)	(634.182.502)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(4.031.024.074)	(2.508.413.301)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		20.971.288	17.196.986
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(882.994.147)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		796.364.891	1.610.548.362
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(18.495.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.300.000.000	18.095.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.400.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.586.049.315	440.230.753
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.486.049.315	40.230.753

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG BEACH LMC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		13.282.414.206	1.650.779.115
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.901.387.396	250.608.281
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	15.183.801.602	1.901.387.396

Nguyễn Thị Kim Thanh
Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Lê Quang Hiệu
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Long Beach LMC (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105897161 ngày 22 tháng 5 năm 2012 và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 13 ngày 16 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp về thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom với mã cổ phiếu là LMC theo Quyết định số 775/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.

Tên tiếng anh: Long Beach LMC Joint Stock Company.

Tên viết tắt: LB-LMC.

Trụ sở chính: Căn B1.1C, tầng B1, T3 Brilliant, tòa Nhà Đào Kim Cương, số 1 Đường 104-btt, khu phố 3, phường Bình Trưng Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM, Việt Nam.

Địa điểm kinh doanh: Số 01, đường 3/2, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.**3. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Công ty đã ngừng các hoạt động kinh doanh chính của chi nhánh tại Phú Quốc kể từ đầu tháng 7/2024.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4 nhân viên (Ngày 31/12/2023: 38 nhân viên).**7. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có một (01) chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể như sau:

Tên chi nhánh	Hoạt động kinh doanh chính	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Long Beach LMC - Chi nhánh Phú Quốc (*)	Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng và vận tải.	Tầng 1, tòa nhà Long Beach Center, số 124 Trần Hưng Đạo, khu phố 7, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

(*) Chi nhánh này đã ngừng hoạt động kể từ tháng 7/2024.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Áp dụng cơ sở hoạt động liên tục trong việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần trong ít nhất 12 tháng tới kể từ ngày lập báo cáo tài chính này.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí thực hiện các công trình dở dang của Công ty.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là chi phí lãi chậm nộp thuế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

8. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong năm dựa theo Quy chế lương của Công ty và theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập theo quy định hiện hành.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Chi phí và phương pháp ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng cho năm hiện hành là 20%.

Công ty đã thanh tra quyết toán thuế đến năm 2021.

14. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

15. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu về cho vay, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và nợ phải trả tài chính khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

17. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	31/12/2024		01/01/2024	
Tiền mặt	6.626.317.281		1.599.670.520	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.557.484.321		301.716.876	
Cộng	15.183.801.602		1.901.387.396	

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bà Bùi Thị Phương Thảo (*)	790.979.099	-	-	-
Các khách hàng khác	72.900.000	-	1.523.130.490	-
Cộng	863.879.099	-	1.523.130.490	-

(*) Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu toàn bộ khoản tiền này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Ngọc Trai Biển Phú Quốc (bên liên quan, xem thuyết minh IX.3)	720.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Hải Đăng	416.197.344	-	416.197.344	-
Công ty Cổ phần Điện máy Phú Quốc	194.107.704	-	194.107.704	-
Các nhà cung cấp khác	142.139.332	-	521.416.974	-
Cộng	1.472.444.380	-	1.131.722.022	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Vũ Thế Quyền	-	-	5.000.000.000	-
Ông Đỗ Thanh Hùng	-	-	4.500.000.000	-
Bà Phan Thị Hường	-	-	4.700.000.000	-
Bà Hồ Như Giang	-	-	4.100.000.000	-
Cộng	-	-	18.300.000.000	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	-	-	3.500.000.000	-
Lãi cho vay dự thu	-	-	2.026.520.549	-
Công ty Cổ phần LDR (i)	8.400.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	6.575.440	-	102.685.185	-
Cộng	8.406.575.440	-	5.629.205.734	-
(i) Khoản phải thu bà Bùi Thị Mỹ Cảnh và ông Lê Ngọc Long (Cổ đông sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần LDR) theo các biên bản làm việc và các biên bản ghi nhớ chuyển nhượng cổ phần. Theo đó, Công ty Cổ phần LDR thay mặt bà Bùi Thị Mỹ Cảnh và ông Lê Ngọc Long nhận/thu giữ hệ khoản tiền từ giao dịch chuyển nhượng trên. Đến ngày 02/01/2025 các bên đã thỏa thuận thanh lý chuyển nhượng cổ phần và Công ty Cổ phần LDR (bên nhận/thu giữ hệ) phải hoàn trả lại tiền cho Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu toàn bộ khoản tiền này.				
6. Hàng tồn kho	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	2.687.235.975	(174.182.184)	1.234.182.502	-
Cộng	2.687.235.975	(174.182.184)	1.234.182.502	-
(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang với giá trị 2.687.235.975 VND là các chi phí dở dang để thực hiện các hợp đồng thi công cho khách hàng. Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá và ghi nhận mức tổn thất dự kiến đối với hợp đồng thi công cho khách hàng này.				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Chi phí trả trước		31/12/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn		17.112.395	5.021.715
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		17.112.395	5.021.715
b. Dài hạn		2.408.899	35.470.867
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		2.408.899	13.659.130
Các khoản khác		-	21.811.737
Cộng		19.521.294	40.492.582

8. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Ngọc Trai Biển Phú Quốc (bên liên quan, xem thuyết minh IX.3)	-	-	3.120.000.000	3.120.000.000
Các nhà cung cấp khác	318.587.725	318.587.725	278.408.410	278.408.410
Cộng	318.587.725	318.587.725	3.398.408.410	3.398.408.410

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Thành An		-	244.400.000
Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Linh Anh Phú Quốc		-	73.600.000
Các khách hàng khác		-	83.949.992
Cộng		-	401.949.992

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm	31/12/2024
	01/01/2024			
Thuế giá trị gia tăng	151.285.855	451.647.311	581.555.489	21.377.677
Thuế thu nhập doanh nghiệp	882.994.147	969.189.403	882.994.147	969.189.403
Thuế thu nhập cá nhân	58.084.679	96.353.294	135.584.532	18.853.441
Các loại thuế khác	-	20.678.421	20.678.421	-
Cộng	1.092.364.681	1.537.868.429	1.620.812.589	1.009.420.521

11. Chi phí phải trả ngắn hạn		31/12/2024	01/01/2024
Các khoản trích trước khác		-	50.489.115
Cộng		-	50.489.115

12. Phải trả ngắn hạn khác		31/12/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn		-	44.246.100
Các khoản bảo hiểm bắt buộc		-	44.246.100
Cộng		-	44.246.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	304.122.886	7.348.207.325	22.652.330.211
Lợi nhuận năm nay	-	-	1.608.057.321	1.608.057.321
Số dư cuối năm trước	15.000.000.000	304.122.886	8.956.264.646	24.260.387.532
Số dư đầu năm nay	15.000.000.000	304.122.886	8.956.264.646	24.260.387.532
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.775.740.138	2.775.740.138
Số dư cuối năm nay	15.000.000.000	304.122.886	11.732.004.784	27.036.127.670

	% vốn thực góp tại 31/12/2024	31/12/2024	01/01/2024
b. Chi tiết vốn góp của các cổ đông			
Ông Lê Ngọc Long	13,57%	2.035.000.000	2.035.000.000
Bà Bùi Thị Mỹ Cảnh	11,33%	1.700.000.000	1.700.000.000
Bà Phan Thị Tố Duyên	7,30%	1.095.000.000	1.095.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	7,30%	1.095.000.000	1.095.000.000
Các cổ đông khác	60,50%	9.075.000.000	9.075.000.000
Cộng	100,00%	15.000.000.000	15.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn góp của chủ sở hữu	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024	01/01/2024
Quỹ đầu tư phát triển	304.122.886	304.122.886
Cộng	304.122.886	304.122.886

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	-	755.576.007
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.805.471.979	11.464.461.789
Cộng	13.805.471.979	12.220.037.796
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn hàng bán	-	665.471.606
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.530.388.952	9.230.288.139
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	174.182.184	-
Cộng	8.704.571.136	9.895.759.745
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	835.419	266.704
Lãi cho vay	559.528.766	2.056.466.370
Cộng	560.364.185	2.056.733.074
4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	70.267.170
Cộng	-	70.267.170
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên	1.475.892.324	1.512.706.337
Chi phí đồ dùng văn phòng	75.532.361	94.942.276
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.569.293	445.855.612
Chi phí bằng tiền khác	16.214.903	83.709.476
Cộng	1.875.208.881	2.141.213.701
5. Chi phí khác	Năm 2024	Năm 2023
Các khoản phạt, chậm nộp	31.943.687	43.554.463
Cộng	31.943.687	43.554.463
6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	665.471.606
Chi phí nhân công	1.475.892.324	1.512.706.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.600.726.581	11.079.535.699
Chi phí khác bằng tiền	16.214.903	83.709.476
Cộng	13.092.833.808	13.341.423.118
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Văn phòng Công ty	-	108.770.745
Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi nhánh Công ty	969.189.403	409.147.725
Cộng	969.189.403	517.918.470

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.775.740.138	1.608.057.321
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.775.740.138	1.608.057.321
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.850	1.072
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.850	1.072

(*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2024

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập Báo cáo tài chính là không đáng kể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính là không đáng kể.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu về cho vay) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Và các khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty bao gồm việc kiểm soát một phần hoạt động của dự án hợp tác đầu tư nên rủi ro là có thể kiểm soát.

Phải thu về cho vay

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay cá nhân không có tài sản đảm bảo thì Công ty chỉ cho vay với các cá nhân có khả năng tài chính tốt mà Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu về cho vay là trung bình.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Khả năng thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	318.587.725	-	-	318.587.725
Cộng	318.587.725	-	-	318.587.725
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Phải trả người bán	3.398.408.410	-	-	3.398.408.410
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	50.489.115	-	-	50.489.115
Cộng	3.448.897.525	-	-	3.448.897.525

Công ty cam kết có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã không nắm giữ tài sản nào của bên thứ ba tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: (xem trang 28).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Hội đồng Quản trị đã thông qua việc định hướng kế hoạch hoạt động của Công ty trong năm 2025 như sau:

- Về hoạt động kinh doanh: Công ty sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp với chiến lược kinh doanh mà Hội đồng Quản trị đề ra. Trong đó, tập trung phát triển bền vững thông qua hoạt động đầu tư vào các dự án tại Trung tâm thương mại; phát triển các dịch vụ ăn uống và hỗ trợ du lịch khác; thực hiện tiếp tục các hoạt động thi công xây dựng, hoàn thiện công trình; tư vấn đầu tư ngành thương mại dịch vụ: khách sạn, nhà hàng, siêu thị, xây dựng công trình và sẽ mang lại hiệu quả kinh doanh tốt cho Công ty;

- Về nhân sự: Công ty sẽ thay đổi mô hình, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, gia tăng số lượng và nâng cao chất lượng nhân sự nhằm đáp ứng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Ngoài sự kiện trên thì Công ty không còn khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính nào khác xảy ra yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 201/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2025 đã thông qua việc chấm dứt phương án đầu tư vốn về mua lại cổ phần từ các cổ đông thuộc Công ty Cổ phần LDR, thanh lý và yêu cầu các cổ đông hoàn trả các nghĩa vụ về chuyển nhượng cổ phần.
- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 201.25/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2025 đã thông qua việc mua lại 368.000 cổ phần của từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Ngôi Sao Biển.
- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13031.25/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 03 năm 2025 đã thông qua việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty tại Phú Quốc và ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần để mua lại cổ phần phổ thông từ cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Ngôi Sao Biển.

Ngoài sự kiện trên thì không phát sinh thêm sự kiện nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính này.

3. Giao dịch với các bên liên quan và thành viên chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Ngọc Trai Biển Phú Quốc	Cùng tập đoàn
Bà Bùi Thị Mỹ Cảnh	Cổ đông lớn
Ông Lê Ngọc Long	Cổ đông lớn
Bà Phan Thị Tố Duyên	Cổ đông lớn và Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Bình Phương	Cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Bà Bùi Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Bình Phương	Thành viên HĐQT
Ông Lâm Minh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 17/7/2024)
Ông Huỳnh Minh Tân	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 19/6/2024)
Bà Nguyễn Thị Phương Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 19/6/2024)
Bà Phạm Thị Thanh Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 06/12/2024)
Ông Phạm Tuấn Minh	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lê Quang Hiệu	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/6/2024)
Ông Đỗ Quốc Anh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19/6/2024)

Trong năm, các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024	Năm 2023
Bà Bùi Thị Mỹ Cảnh	Cho mượn tiền	350.000.000	-
	Thu lại tiền mượn	350.000.000	3.307.635.000
Công ty Cổ phần Ngọc Trai Biển Phú Quốc	Thuê xe, văn phòng	3.678.619.527	4.652.679.250
	Thanh toán tiền thuê xe, văn phòng	7.814.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan và thành viên chủ chốt (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	Nội dung nghịệp vụ	31/12/2024	01/01/2024
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Ngọc Trai Biển Phú Quốc	Thuê xe	720.000.000	-
Cộng		720.000.000	-
Phải trả người bán		31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Ngọc Trai Biển Phú Quốc	Thuê xe, văn phòng	-	(3.120.000.000)
Cộng		-	(3.120.000.000)

+ Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
Ông Đỗ Quốc Anh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19/6/2024)	360.000.000	552.000.000
Ông Lê Quang Hiệu	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 19/6/2024)	-	286.300.002
Cộng		360.000.000	838.300.002

- Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cam kết không nhận bất kỳ khoản lương, thưởng và thù lao nào của Công ty.

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Chỉ tiêu	Tp. Hồ Chí Minh	Kiên Giang	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	732.388.055	13.073.083.924	13.805.471.979
Doanh thu thuần từ bán hàng, cung cấp dịch vụ cho bên ngoài	732.388.055	13.073.083.924	13.805.471.979
2. Tổng chi phí	811.041.361	7.893.529.775	8.704.571.136
Giá vốn	811.041.361	7.893.529.775	8.704.571.136
Chi phí chung	1.495.456.034	379.752.847	1.875.208.881
3. Lợi nhuận tài chính	559.734.627	629.558	560.364.185
4. Lợi nhuận từ hoạt động khác	(15.047.666)	(16.865.718)	(31.913.384)
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	(1.029.422.379)	4.774.351.920	3.744.929.541

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Chỉ tiêu	Tp. Hồ Chí Minh	Kiên Giang	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	739.500.000	11.480.537.796	12.220.037.796
Doanh thu thuần từ bán hàng, cung cấp dịch vụ cho bên ngoài	739.500.000	11.480.537.796	12.220.037.796
2. Tổng chi phí	662.100.000	9.233.659.745	9.895.759.745
Giá vốn	662.100.000	9.233.659.745	9.895.759.745
Chi phí chung	1.616.723.639	594.757.232	2.211.480.871
3. Lợi nhuận tài chính	2.056.417.212	315.862	2.056.733.074
4. Lợi nhuận từ hoạt động khác	(43.554.463)	-	(43.554.463)
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	493.909.482	1.632.066.309	2.125.975.791

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai



Nguyễn Thị Kim Thanh

Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Lê Quang Hiệu

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG BEACH LMC
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2024		31/12/2023		31/12/2024	31/12/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	863.879.099	-	1.523.130.490	-	863.879.099	1.523.130.490
- Phải thu về cho vay	-	-	18.300.000.000	-	-	18.300.000.000
- Phải thu khác	8.406.575.440	-	2.129.205.734	-	8.406.575.440	2.129.205.734
- Tiền và các khoản tương đương tiền	15.183.801.602	-	1.901.387.396	-	15.183.801.602	1.901.387.396
TỔNG CỘNG	24.454.256.141	-	23.853.723.620	-	24.454.256.141	23.853.723.620
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	318.587.725	-	3.398.408.410	-	318.587.725	3.398.408.410
- Phải trả khác và chi phí phải trả	-	-	50.489.115	-	-	50.489.115
TỔNG CỘNG	318.587.725	-	3.448.897.525	-	318.587.725	3.448.897.525

